



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLOG
ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Cơ sở xét nghiệm**

Medical Laboratory: **Diagnostic Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Biomics Việt Nam**

Organization: **Biomics Viet Nam Joint Stock Company**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh, Huyết học**

Field of medical testing: **Biochemistry, Hematology**

Người phụ trách/
Representative: **Nguyễn Thế Hùng**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 227**

Hiệu lực/ Validation: Từ ngày /10/2025 đến ngày /10/2030

Địa chỉ/ Address: **19 Lê Thanh Nghị, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội**
19 Le Thanh Nghi Street, Bach Mai Ward, Hanoi City

Địa điểm/ Location:
tầng 7+ 8, toà nhà Ba Đình office, số 19 Lê Thanh Nghị, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội
7+8 th floors, Ba Dinh office tower, 19 Le Thanh Nghi Street, Bach Mai Ward, Hanoi City

Điện thoại/ Tel: **0981116416**

Email: **info@biomics.com.vn**

Website: **www.biomics.com.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 227

Lĩnh vực xét nghiệm:

Discipline of medical testing:

Hóa sinh

Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết tương/ Plasma (Li-Heparin)	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Động học enzym <i>Enzyme kinetic</i>	BIO-QTHS.01(2025) (Cobas C501)
2.		Định lượng AST <i>Determination of Aspartat Transaminase (AST)</i>	Động học enzym <i>Enzyme kinetic</i>	BIO-QTHS.04(2025) (Cobas C501)
3.		Định lượng ALT <i>Determination of Alanine aminotransferase (ALT)</i>	Động học enzym <i>Enzyme kinetic</i>	BIO-QTHS.05(2025) (Cobas C501)
4.		Định lượng Cholesterol toàn phần <i>Determination of Total Cholesterol</i>	Enzym so màu <i>Enzyme Colorimetric</i>	QTXN.HS.02 (2025) (Cobas C501)
5.		Định lượng Triglyceride <i>Determination of Triglyceride</i>	Enzym so màu <i>Enzyme Colorimetric</i>	QTXN.HS.03 (2025) (Cobas C501)
6.		Định lượng axit Uric <i>Determination of acid Uric</i>	Enzym so màu <i>Enzyme Colorimetric</i>	QTXN.HS.06 (2025) (Cobas C501)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 227

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Discipline of medical testing: **Hematology**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Máu toàn phần/ <i>Whole blood (EDTA-K2)</i>	Đếm số lượng tiểu cầu (PLT) <i>Platelet count (PLT)</i>	Điện trở kháng <i>Electric impedance</i>	BIO-QTHH.01 (2025) (Horiba H550)
2.		Đếm số lượng bạch cầu (WBC) <i>White Blood Cell count (WBC)</i>		BIO-QTHH.02 (2025) (Horiba H550)
3.		Đếm số lượng hồng cầu (RBC) <i>Red Blood cell count (RBC)</i>		BIO-QTHH.03 (2025) (Horiba H550)
4.		Xác định lượng huyết sắc tố (HGB) <i>Determination of Hemoglobin</i>	Đo quang <i>Photometric</i>	BIO-QTHH.04 (2025) (Horiba H550)

Ghi chú/ Note:

- BIO-QTHS, BIO-QTHH....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Cơ sở xét nghiệm cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Diagnostic laboratory type that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

